

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HSPT

Ngày 04 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Ông Lưu Toàn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Quốc H do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

1. Bị cáo: Phạm Quốc H - sinh năm 1972, tại huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Phạm Tự H1 (đã chết) và bà Bùi Thị H2; Có vợ là Nông Thị U (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

Bản án số 50/HSST ngày 08/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 13 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 3 Điều 185 Bộ luật Hình sự, thời hạn tù tính từ ngày 25/11/1998. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung 20.000.000 đồng. Ngày 15/10/2001 bị cáo được tạm đình chỉ chấp hành án do mắc bệnh. Ngày 10/11/2006 bị cáo phạm tội mới. Bản án số 37/2007/HSST ngày 25/4/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 2

Điều 194 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 50/HSST ngày 08/4/1999, bị cáo phải chấp hành án 21 năm tù, được khấu trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 25/11/1998 đến ngày 15/10/2001 là 02 năm 10 tháng 20 ngày, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2006. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2019.

Nhân thân: Năm 1992-1995 tham gia nghĩa vụ quân sự tại xã T, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/3/2023 đến ngày 04/3/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 01/3/2023, tại chỗ ở của Phạm Quốc H tại thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, Công an huyện K tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ 01 gói ma túy loại Heroine có khối lượng 0,2124 gam H tàng trữ trong túi áo khoác bên trái đang mặc. Bị cáo khai số Heroine này được mua của một người không quen biết tại khu vực C, phường Q, thành phố T1 với giá 200.000 đồng để tự sử dụng. Sau khi mua ma túy, bị cáo đi uống thuốc Methadone ở phường T2, thành phố T1 rồi nhờ người quen là anh Phạm Ngọc H3 chở về nhà thì bị phát hiện.

Bản giám định số 291/KL-KTHS ngày 02/3/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,2124 gam.

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tuyên bố bị cáo Phạm Quốc H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc H 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 01/3/2023.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 08/6/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 07/QĐ-VKSTB kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương với nội dung: bản án xác định lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là không đúng, dẫn đến sai lầm trong việc áp dụng điểm, khoản trong Điều luật của Bộ luật Hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, cụ thể:

Bản án số 37/2007/HSST ngày 25/4/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt Phạm Quốc H 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp với hình phạt của bản án số 50/HSST ngày 08/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái

Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 21 năm tù, được khấu trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 25/11/1998 đến ngày 15/10/2001 là 02 năm 10 tháng 20 ngày, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2006. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2019, chấp hành xong án phí tháng 7/2007.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự, tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo đã thi hành xong hình phạt chính của Bản án số 37/2007/HSST ngày 25/4/2007 đã quá 03 năm và bị cáo đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án này nên bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung của Bản án số 50/HSST ngày 08/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nên chưa được xóa án tích đối với bản án này.

Nay bị cáo thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm nghiêm trọng, theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự chỉ thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy chỉ kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng là *Tái phạm* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Nhưng Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương lại xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp Tái phạm nguy hiểm và áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 năm tù là không đúng điểm, khoản trong Điều luật của Bộ luật Hình sự quy định về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, vi phạm Điều 53, điểm c khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 73 Bộ luật Hình sự, dẫn đến mức án dành cho bị cáo nặng, không tương xứng với hành vi phạm tội, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo.

Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 12/5/2023 theo hướng áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đồng thời giảm hình phạt tù cho bị cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên kháng nghị; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo hướng áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đồng thời giảm hình phạt tù cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng nghị: Kháng nghị số 07/QĐ-VKSTB ngày 08/6/2023 do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành là đúng thẩm quyền, ban hành trong thời hạn kháng nghị quy định tại khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, kháng nghị là hợp lệ, được đưa ra xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng nghị:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã xác định. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 01/3/2023 tại chỗ ở của bị cáo Phạm Quốc H thuộc thôn Đ, xã V, huyện K, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,2124 gam, mục đích để sử dụng. Hành vi đó đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...”

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng tội danh nhưng áp dụng không đúng điểm, khoản trong Bộ luật hình sự, dẫn đến việc quyết định mức hình phạt cho bị cáo không chính xác, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo.

Bởi lẽ: tính đến ngày phạm tội mới 01/3/2023 bị cáo còn chưa thi hành hình phạt bổ sung là 20.000.000 đồng của Bản án số 50/HSST ngày 08/4/1999 của Tòa

án nhân dân tỉnh Thái Bình. Bản án này xử phạt bị cáo Phạm Quốc H 13 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 3 Điều 185 Bộ luật Hình sự. Như vậy phải xác định bị cáo còn tiền án là bản án này.

Còn bản số 37/2007/HSST ngày 25/4/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự kết án bị cáo trong thời gian bị cáo đang được tạm đình chỉ chấp hành án của bản án số 50/HSST nói trên là hành vi phạm tội mới nên mức hình phạt 8 năm tù này được tổng hợp với hình phạt 13 năm tù của Bản án số 50/HSST buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 21 năm tù, được khấu trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 25/11/1998 đến ngày 15/10/2001 là 02 năm 10 tháng 20 ngày, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2006 là ngày bị cáo phạm tội mới. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2019. Như vậy bị cáo đương nhiên được xóa án tích đối với bản án số 37/2007 nói trên vì tính đến ngày phạm tội lần này (01/3/2023) bị cáo chấp hành xong bản án đã quá 3 năm, mức án của bản án số 37 áp dụng cho bị cáo là 8 năm tù nên thời hạn xóa án tích của bị cáo được áp dụng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự.

Điều 70. Đương nhiên được xóa án tích

“... 2. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

...

c) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

...”

Điều 73. Cách tính thời hạn để xóa án tích

“1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.

2. Người bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành”.

Mức án 21 năm tù là mức tổng hợp của hai bản án để tính thời gian thi hành án đối với bị cáo, không phải mức để tính thời hạn xóa án tích theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 70 như bản án sơ thẩm đã tuyên. Vì vậy không thể tính bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Điều 53. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm

“1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.

2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:

a) Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

b) Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý”.

Theo quy định trên thì lần phạm tội này, bị cáo chỉ thuộc trường hợp Tái phạm vì còn 01 bản án chưa được xóa án tích là bản án số 50/HSST ngày 08/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Lần này lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, khung hình phạt bị cáo phạm phải thuộc điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự với tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo đã hai lần bị xét xử về hành vi liên quan đến tổ chức và tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy với mức án nghiêm khắc nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân thành người có ích, tuân thủ pháp luật mà tiếp tục tái phạm, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng để trừng trị bị cáo. Song cũng xét sau khi phạm tội bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, bị cáo có tham gia nghĩa vụ quân sự, vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình là có căn cứ, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: thay đổi điểm, khoản của Điều luật để áp dụng cho bị cáo như quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình nhưng phải áp dụng mức hình phạt cao hơn mức Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo để trừng trị hành vi tái phạm của bị cáo đồng thời răn đe tội phạm.

[3] Về án phí: Kháng nghị được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án

nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình về điểm, khoản áp dụng và giảm mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Quốc H.

[2] Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2023.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 04/8/2023./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn